**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN KIM BẢNG**
**TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ - ST
Ngày 23-6-2020
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Đức Thạo.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Xuân Trường.
2. Bà Nguyễn Thị Mai.

***- Thư ký phiên toà***: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà***: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Quản Văn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Quản Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 29-02-2016 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại nhà bố mẹ đẻ anh Đ ở thôn X, xã V, huyện K chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh Đ ham chơi

dẫn đến mắc nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không tiếp thu mà vẫn thường xuyên sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 10-2019 chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình sinh sống, anh chị li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quản Văn Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Quản Văn Đ, đồng thời nhiều lần triệu tập anh Đ đến trụ sở Tòa án để giải quyết về việc chị T xin ly hôn anh, nhưng anh Đ đều cố tình vắng mặt. Tòa án đã đến tận nhà anh Đ tại thôn X, xã V, huyện K để xác minh và được ông Quản Đức M là bố đẻ anh Đ cung cấp: Anh Đ và chị T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào đầu năm 2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình ông M ở thôn X, xã V, huyện K chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn theo gia đình được biết là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến tháng 10-2019 chị T đã xin phép ông bà để về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống cho đến nay không về chung sống cùng anh Đ lần nào nữa. Ông M khẳng định anh Đ làm nghề tự do, thỉnh thoảng anh Đ về nhà rồi lại đi làm, trước khi chị T gửi đơn ly hôn đến Tòa án thì chị có về ngồi nói chuyện vợ chồng với anh Đ. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án đối với anh Đ, ngay sau mỗi lần nhận ông đều thông báo trực tiếp cho anh Đ biết. Tuy nhiên, anh Đ có đến Tòa án làm việc hay không thì ông không nắm được.

Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng cũng đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương xã X, huyện K và được chính quyền địa phương cung cấp: Anh Quản Văn Đ là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã V, huyện K và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Việc mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh Đ xảy ra là do anh Đ ham chơi nên dính vào tệ nạn xã hội và bị nghiện ma túy. Chị T và gia đình cũng như chính quyền, đoàn thể địa phương đã động viêc, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi nhau. Từ tháng 10-2019 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Hòa Bình sinh sống, từ đó đến nay địa phương không thấy chị T quay về chung sống với anh Đ nữa. Nay địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Quản Thị N, sinh ngày 12-11-2016, hiện nay đang ở với chị. Chị T xin được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị T xác định không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; riêng anh Đ không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Quản Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Quản Thị N, sinh ngày 12-11-2016 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Quản Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Quản Văn Đ là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 29-02-2016 tại UBND xã X, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ ham chơi nên sa ngã vào tệ nạn xã hội và bị nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, căng thẳng. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên

quyết xin ly hôn anh Đ; còn anh Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn. Theo xác minh tại địa phương và người thân của anh Đ thì mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh Đ xảy ra là thực tế, mặc dù đã được chính quyền, đoàn thể địa phương và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ tháng 10- 2019 đến nay anh chị li thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị T được ly hôn anh Đ là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh Đ có một con chung tên là Quản Thị N, sinh ngày 12-11- 2016, hiện nay đang ở với chị T. Xét thấy từ khi anh chị li thân nhau đến nay cháu N đều ở cùng với chị T và được chị nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định; ngoài ra bản thân chị T đang làm công nhân tại Công ty Cổ phần L, địa chỉ tại xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có thu nhập ổn định, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng cháu N, anh Đ không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị T xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Quản Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Quản Thị N, sinh ngày 12-11-2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N.

3. Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004177 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Thạo**